

Số: 5296/QĐ-UBND

Long Biên, ngày 25 tháng 10 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh bộ tiêu chí đánh giá trường đạt mô hình trường học điện tử các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn quận Long Biên

#### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư 53/2012/TT-BGDĐT ngày 20/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và công thông tin điện tử tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ công văn số 3127/SGD&ĐT-KHCN ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc bổ sung ứng dụng khai thác phần mềm thuộc mô hình trường học điện tử quận Long Biên năm học 2016-2017;

Căn cứ Chương trình 02-CTr/QU ngày 15/10/2015 của Quận ủy Long Biên về đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm và hoàn thiện mô hình Cơ quan điện tử quận, phường giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 02/03/2017 của UBND Quận triển khai mô hình trường học điện tử năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 6076/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của UBND Quận về việc thực hiện mô hình trường học điện tử (MHTHĐT) dành cho trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (MN, TH, THCS) trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn 2016-2017;

Căn cứ quyết định số 8616/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 về việc ban hành bộ tiêu chí đánh giá trường học đạt mô hình Trường học điện tử dành cho trường MN, TH, THCS trên địa bàn quận Long Biên năm học 2016-2017;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo Quận,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh bộ tiêu chí đánh giá các nhà trường đạt mô hình trường học điện tử dành cho trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở quận Long Biên (*Nội dung bộ tiêu chí đính kèm*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng HĐND&UBND Quận, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Nội vụ, Giám

độc Ban Quản lý dự án, Trưởng bộ phận công nghệ thông tin Quận, Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn quận có trách nhiệm thi hành quyết định này. *h*

**Nơi nhận:**

- TT QU-HĐND-UBND; đề báo cáo
- Như điều 3- để thực hiện;
- Lưu VP, ( *10* ). *h*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đinh Thị Thu Hương**



**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC ĐIỆN TỬ CÁC TRƯỜNG MN, TH, THCS TRÊN QUẬN LONG BIÊN**  
(Kèm theo Quyết định số **5296** /QĐ-UBND ngày **25** tháng **10** năm 2017 của UBND quận Long Biên)

STT	Nội dung đánh giá	Tổng	Cách chấm điểm	Bộ phận phụ trách
<b>I</b>	<b>TIÊU CHUẨN 1: MÔI TRƯỜNG CHÍNH SÁCH VÀ NGUỒN NHÂN LỰC</b>	<b>30</b>		
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1: Công tác chỉ đạo điều hành</b>	<b>10</b>		
1	Kịp thời thành lập, kiện toàn và phân công nhiệm vụ Ban chỉ đạo CNTT. Hoạt động của BCD CNTT đảm bảo hiệu quả.	2	- Không kịp thời kiện toàn, VB không đảm bảo chất lượng hoặc không đăng tải trên Cổng TTĐT, mỗi lỗi trừ 0,2 điểm. - BCD không kiểm soát đảm bảo chất lượng các nội dung của Mô hình, mỗi lỗi trừ 0,2 điểm	PNV
2	Xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện mô hình đảm bảo chất lượng, có kiểm soát, đánh giá kết quả thực hiện định kỳ hàng tháng và đăng tải công khai trên cổng TTĐT	4	- KH không đảm bảo chất lượng trừ 0,2 điểm - Không kiểm soát, đánh giá kết quả thực hiện hàng tháng hoặc đánh giá không sát với kết quả thực hiện, mỗi nội dung tồn tại trừ 0,2 điểm	PNV
3	Ban hành các văn bản, quy trình quản lý, duy trì và nội quy sử dụng các hệ thống CNTT; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống; có kiểm soát, đánh giá hiệu quả vận hành.	4	- Mỗi VB ban hành không rõ nội dung, quy trình vận hành và trách nhiệm của từng khâu, không đảm bảo chất lượng trừ 0,2 điểm; - Không kiểm soát, đánh giá hiệu quả sử dụng, trừ 0,2 điểm.	PNV

STT	Nội dung đánh giá	Tổng	Cách chấm điểm	Bộ phận phụ trách
2	<b>Tiêu chí 2: Nguồn nhân lực</b>	12		
4	100% cán bộ, giáo viên, nhân viên (Không bao gồm nhân viên nuôi dưỡng cấp học MN) sử dụng thành thạo công TTĐT, hệ thống thư điện tử, các trang thiết bị (MT, MC, ...), các phần mềm ứng dụng theo vị trí việc làm triển khai tại đơn vị phục vụ công việc hàng ngày. Nhân viên bảo vệ: vận hành khai thác hệ thống camera.	5	Mỗi cá nhân, UD không sử dụng thành thạo mỗi ứng dụng trừ 0,2 điểm	PGD
5	<b>100% GV:</b> + Khai thác và sử dụng hiệu quả các thiết bị CNTT, phần mềm ứng dụng. + Biết sử dụng bảng tương tác thông minh (BTTTM) ở mức độ cơ bản. - Đảm bảo kỹ năng sử dụng BTTTM nâng cao tối thiểu: + MN: 20% trở lên ; + TH: 25% trở lên; + THCS: 25% trở lên.	5	- 01 giáo viên trong tỷ lệ tối thiểu không đạt trừ 0,2 điểm + Kỹ năng sử dụng BTT ở mức độ cơ bản: biết khai thác tối thiểu 01 phần mềm trên BTTTM (3 điểm) + Kỹ năng sử dụng BTT ở mức độ nâng cao: biết kết hợp từ 02 phần mềm trở lên trên BTTTM (2 điểm)	PGD, BPCNTT
6	Cán bộ CNTT trường học: - Tham mưu, vận hành hệ thống CNTT phục vụ triển khai mô hình Trường học điện tử đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả.	2	- Quản lý, kiểm soát, theo dõi được số lượng, tình trạng hoạt động, các vấn đề tồn tại của hệ thống CNTT, kịp thời khắc phục sự cố phát sinh: 01 điểm (mỗi tồn tại trừ 0,2đ) - Tiếp nhận, hỗ trợ giáo viên trong việc triển khai các ứng dụng phần mềm trong trường học: 01 điểm (mỗi tồn tại trừ 0,2đ)	BP CNTT



STT	Nội dung đánh giá	Tổng	Cách chấm điểm	Bộ phận phụ trách
<b>3</b>	<b>Tiêu chí 3: Môi trường chính sách</b>	<b>8</b>		
7	- Thiết lập hồ sơ, kiểm soát, đánh giá việc quản lý, chỉ đạo, thực hiện mô hình THPT. - Quản lý, khai thác, sử dụng tài sản hiệu quả, đúng quy định	4	Mỗi nội dung thực hiện không đảm bảo trừ 0,2 điểm.	PNV
8	Công tác tự kiểm tra, đánh giá: - Định kỳ kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm, khắc phục tồn tại kịp thời trong quá trình triển khai mô hình theo tháng/học kỳ/năm. Đăng tải công khai kết quả trên cổng TTĐT. - Kiểm tra thực hiện ứng dụng CNTT của một giáo viên, một tổ, nhóm chuyên môn kết hợp kiểm tra chuyên đề, kiểm tra toàn diện	4	Mỗi tháng, kỳ học, năm học không kiểm tra, trừ 01 điểm; không đăng tải trừ 0,5 điểm/VB thiếu.	PNV
<b>II</b>	<b>TIÊU CHUẨN 2: TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG MÔ HÌNH</b>	<b>50</b>		
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1: Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành</b>	<b>15</b>		
9	Tiếp nhận, khai thác, sử dụng có hiệu quả các phần mềm do ngành, quận triển khai.	8	- Thông tin không cập nhật kịp thời trừ 0,2 đ ứng với mỗi phần mềm	PGD, TCKH, PNV
10	Các văn bản quản lý điều hành được trao đổi qua môi trường mạng (Trừ các VB không được đăng tải theo QĐ)	7	- Trên 90% : 5đ - Từ 80% đến 90%: 4đ - Từ 70 đến dưới 80%: 3đ - Dưới 70%: không đạt điểm	PGD
<b>2</b>	<b>Tiêu chí 2: Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập</b>	<b>15</b>		
11	GV sử dụng, khai thác, sáng tạo các phần mềm ứng dụng để đổi mới nội dung và phương pháp dạy học.	8	- Mỗi tháng 01 GV có ít nhất 1 bài giảng điện tử sử dụng một phần mềm đưa lên lớp 2 Cổng thông tin điện tử nhà trường (5 điểm)	PGD

STT	Nội dung đánh giá	Tổng	Cách chấm điểm	Bộ phận phụ trách
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỗi học kỳ, 01 GV ít nhất có 1 bài giảng sử dụng từ 2 đến 3 phần mềm đặc thù đưa lên lớp 2 Cổng thông tin điện tử nhà trường (3 điểm)</li> <li>- Thiếu sản phẩm của 1 GV trừ 0,2 điểm.</li> </ul>	
12	Kho học liệu tại các lớp học: phải được cập nhật thường xuyên, kịp thời giảng theo các môn, phân môn.	7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đầy đủ 100% bài giảng các môn: 7 điểm</li> <li>- Từ 80% đến dưới 100%: 6 điểm</li> <li>- Từ 70 đến dưới 80% : 5 điểm</li> <li>- Từ 60 đến dưới 70% : 4 điểm</li> <li>- Từ 50 đến dưới 60% : 3 điểm</li> <li>- Dưới 50%: Không đạt điểm</li> </ul>	PGD
<b>3</b>	<b>Tiêu chí 3: Trang thông tin điện tử</b>	<b>20đ</b>		
13	Hoạt động của ban biên tập - Định hướng tin bài, quy định cập nhật tin bài - Chế độ kiểm tra, kiểm soát, đánh giá	2	Mỗi nội dung không đầy đủ: trừ 0,5 điểm	BP CNTT
14	<b>Hoạt động trang thông tin điện tử (Lớp 1)</b>	<b>10</b>		
	Tin tñnh cập nhật đầy đủ, kịp thời - Thông tin chung nhà trường - Thông tin cá nhân theo quy định (BGH, tổ bộ môn)	2	Mỗi nội dung cập nhật không đầy đủ: trừ 0,5 điểm	BP CNTT
	Tin tức, sự kiện, hoạt động - Kịp thời, đầy đủ theo quy định - Phong phú, sinh động	4	Mỗi nội dung tồn tại: trừ 0,5 điểm	BP CNTT
	Các chuyên mục: cập nhật đầy đủ, thường xuyên - Kho học liệu điện tử	4	- Mỗi nội dung công khai cập nhật không đầy đủ, kịp thời: trừ	BP CNTT



STT	Nội dung đánh giá	Tổng	Cách chấm điểm	Bộ phận phụ trách
	- Các nội dung công khai - Các chuyên mục khác theo quy định		0,5đ; các nội dung khác trừ 0,2 điểm	
15	<b>Trang thông tin điều hành nội bộ (Lớp 2)</b> - 100% GV có tài khoản đăng nhập - Vận hành khai thác hiệu quả ngăn thư mục phòng GD quy định - Có các kho tư liệu bài giảng của nhà trường theo quy định - Cập nhật đầy đủ các thông tin phục vụ quản lý, điều hành nội bộ của đơn vị	8	- GV không có quyền/không đăng nhập, không sử dụng : trừ 0,5 điểm/người - Không cập nhật đầy đủ, kịp thời các thư mục theo quy định: trừ 0,5 điểm/nội dung	BP CNTT
<b>III</b>	<b>TIÊU CHUẨN 3: CƠ SỞ HẠ TẦNG</b>	<b>20</b>		
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1: Trang thiết bị CNTT</b>	<b>9</b>		
16	Quản lý trang thiết bị: - Bố trí đúng, đủ theo mô hình; - Quản lý, kiểm soát, theo dõi quá trình luân chuyển, bàn giao, sử dụng, bảo quản, sửa chữa	4	- Không bố trí theo đúng mô hình: trừ 0,5 điểm/nội dung - Thiết bị không quản lý, kiểm soát, bảo quản trừ 0,5 điểm/thiết bị	BP CNTT
17	Vận hành và khai thác sử dụng - Lắp đặt, khai thác sử dụng đúng mục đích, đúng yêu cầu đảm bảo gọn gàng, an toàn - Kiểm soát tần suất, hiệu quả sử dụng trang thiết bị - Cơ chế bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị	5	- Không có hợp đồng bảo trì (máy tính, máy in): trừ 02 điểm; hợp đồng không đầy đủ trừ 01 điểm - Các nội dung khác trừ 0,5điểm/nội dung	BP CNTT
<b>2</b>	<b>Tiêu chí 2: Hệ thống mạng kết nối</b>	<b>4</b>		
18	Mạng LAN: - Mạng LAN phải được thiết kế, xây dựng theo mô hình 3 lớp tốc độ 10/100/1000 Mbps. Đảm bảo việc truy cập ổn định cho tất cả thiết bị. - Đảm bảo 100% máy tính, máy in kết nối mạng LAN	2	- Đối với trường cải tạo, xây mới bàn giao sau năm 2017: không đáp ứng tiêu chí mạng LAN theo mô hình: trừ 02 điểm - Đối với các trường cải tạo, sửa chữa trước năm 2017: không đảm bảo việc truy cập ổn định: trừ 02đ	BP CNTT

STT	Nội dung đánh giá	Tổng	Cách chấm điểm	Bộ phận phụ trách
19	Mạng Internet: - Mạng Internet cáp quang đảm bảo tốc độ kết nối từ 45 Mbps trở lên và có phương án dự phòng trong trường hợp xảy ra sự cố đường truyền. - Hệ thống mạng Wifi đảm bảo phục vụ hoạt động của nhà trường	2	- Hệ thống internet không đảm bảo tốc độ: trừ 01 điểm - Hệ thống wifi hoạt động không ổn định:trừ 01điểm	BP CNTT
<b>3</b>	<b>Tiêu chí 3: Các điều kiện đảm bảo khác</b>	<b>7</b>		
20	An ninh, an toàn thông tin: +100% Máy tính giáo viên, phụ vụ công tác quản lý cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền + 100% máy tính học sinh có phần mềm diệt virus (bản quyền hoặc miễn phí)	2	- Mỗi nội dung không đáp ứng: trừ 1 điểm	BP CNTT
21	Hệ thống điện đảm bảo đáp ứng đủ công suất sử dụng của hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin và các trang thiết bị khác.	1	- Không đảm bảo: trừ 0,5đ/phòng	BP CNTT
22	Hệ thống camera giám sát hoạt động hiệu quả, ổn định; có hệ thống màn hình quản lý, theo dõi tập trung hình ảnh của các camera.	2	- Không kiểm soát, quản lý vận hành khai thác sử dụng: trừ 01đ - Không khắc phục kịp thời các sự cố: trừ 01 điểm	BP CNTT
23	Bố trí phòng/vị trí lắp đặt các thiết bị quản lý mạng tập trung (có thể sử dụng chung với phòng khác) đảm bảo các điều kiện vận hành	1	- Không đảm bảo các nội dung vận hành hệ thống: trừ 0,5điểm/nội dung	BP CNTT
24	Bố trí ngân sách duy trì hệ thống trang thiết bị, phần mềm phục vụ cho ứng dụng CNTT tại đơn vị.	1	- Không đảm bảo đầy đủ kinh phí duy trì hệ thống không tính điểm	BP CNTT
<b>IV</b>	<b>NHÓM ĐIỂM THƯỜNG</b>	<b>10</b>		
25	Có học sinh đạt giải trong kỳ thi về công nghệ thông tin hoặc ứng dụng công nghệ thông tin cấp Quận, Thành phố, Quốc gia (đối với cấp Tiểu học, trung học cơ sở).	2	- Quốc gia: + Trường từ 28 lớp trở lên có 03 HS đạt giải; Trường từ 27 lớp trở xuống có 02 HS đạt giải: 2 điểm + Còn lại: đạt 1,5 điểm.	PGD



STT	Nội dung đánh giá	Tổng	Cách chấm điểm	Bộ phận phụ trách
			- Thành phố + Trường từ 28 lớp trở lên có 07 HS đạt giải; Trường từ 27 lớp trở xuống có 05 HS đạt giải: 1 điểm + Còn lại: đạt 0.5 điểm. (Lấy điểm thành tích cao nhất)	
26	Có giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong các hội thi đạt giải ở các cấp.	2	- Quốc gia: 2 điểm - Thành phố: 1.5 điểm - Quận: 1 điểm (Lấy điểm thành tích cao nhất)	PGD
27	Có sáng kiến, sáng tạo ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập có thể áp dụng rộng rãi trong các nhà trường.	2	Xếp loại cấp quận: - Loại A: 2 điểm - Loại B: 1.5 điểm - Loại C: 1 điểm	PGD
28	Tạo lập các chuyên mục thông tin trên Trang thông tin điện tử mang tính đặc trưng riêng của nhà trường (ví dụ chuyên mục trao đổi chuyên môn dành cho giáo viên; giới thiệu gương sáng của học sinh; các thông tin hữu ích dành cho phụ huynh và học sinh; ...).	2	- Có chuyên mục hiệu quả (có tính tương tác tốt): 2 điểm - Có chuyên mục: 1 điểm	BP CNTT
29	Chủ động đầu tư, ứng dụng hiệu quả các phần mềm phục vụ công tác quản lý, điều hành trong nhà trường	2	Đầu tư phần mềm: - Được sử dụng hiệu quả: 2 điểm - Có phần mềm: 1 điểm	PGD, BP CNTT

**\* Cách đánh giá:**

- Trường đạt MH trường học điện tử phải đạt số điểm 90 điểm trở lên.
- Các Tiêu chuẩn bắt buộc phải đạt điểm tối thiểu trên 50%